

TỈNH ĐỒNG NAI

QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ TRĂNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2045

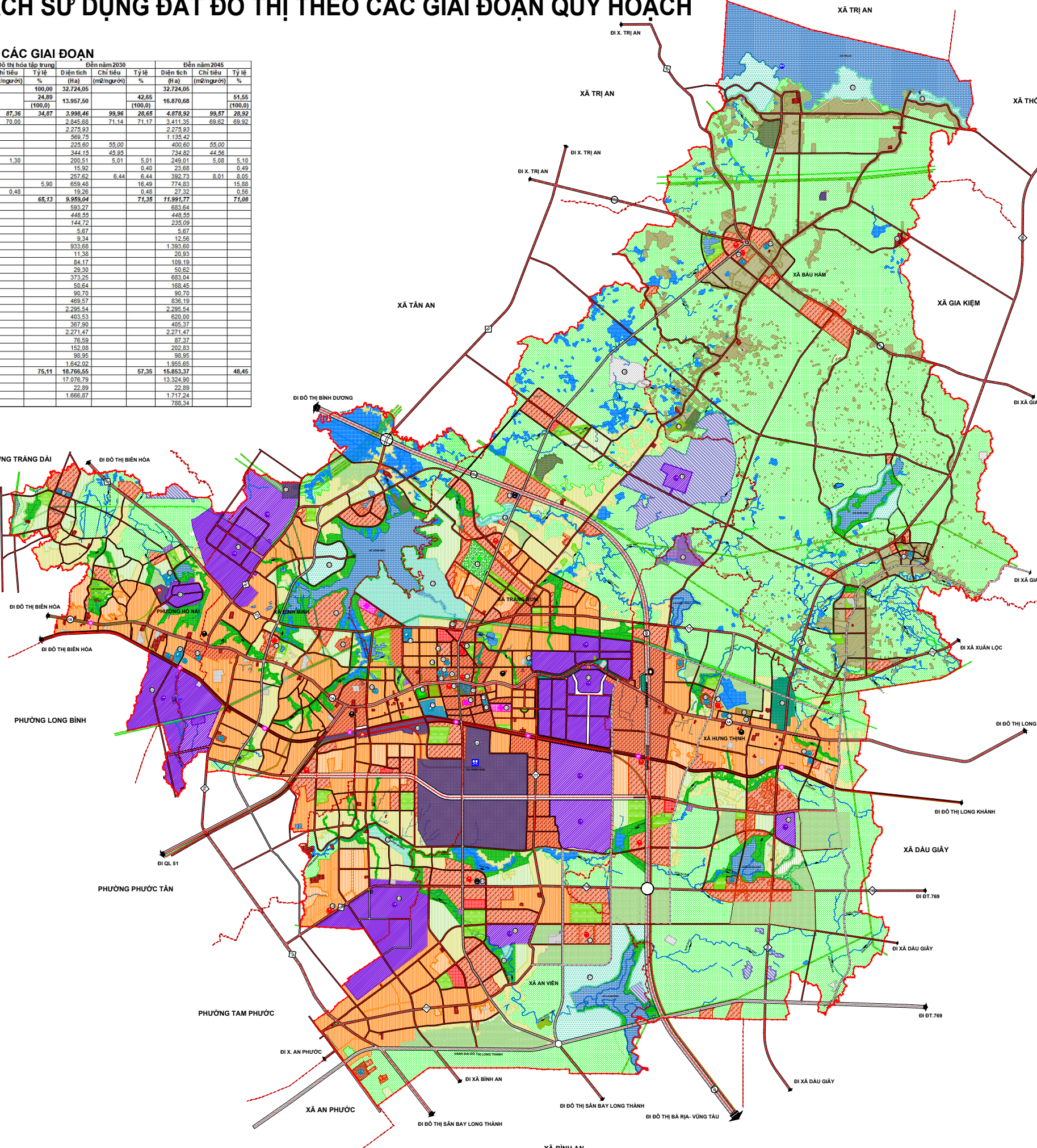
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐÔ THỊ THEO CÁC GIAI ĐOẠN QUY HOẠCH

BẢNG CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT QUA CÁC GIAI ĐOẠN

STT	Danh mục đất	Hiện trạng KV Đô thị hóa tập trung			Đến năm 2030			Đến năm 2045		
		Diện tích (Ha)	Chỉ tiêu (m2/người)	Tỷ lệ %	Diện tích (Ha)	Chỉ tiêu (m2/người)	Tỷ lệ %	Diện tích (Ha)	Chỉ tiêu (m2/người)	Tỷ lệ %
TỔNG DIỆN TÍCH		32.724,05			100,00	32.724,05		32.724,05		
I	Đất xây dựng (A+B)	8.145,80			24,89 (100,0)	13.957,50		42,65 (100,0)	16.870,68	51,55 (100,0)
A	Đất dân dụng	2.840,08	87,36	34,87	3.998,46	99,96	28,65	4.878,92	99,57	28,92
1	Đất đơn vị ở	2.275,93	70,00		2.845,68	71,14	71,17	3.411,35	69,62	69,92
1.1	Đất đơn vị ở hiện trạng	2.275,93			569,75			2.275,93		
1.2	Đất đơn vị ở mới				569,75			1.135,42		
a	Đất dự án đã có chủ trương đầu tư				225,60	55,00		400,60	55,00	
b	Đất đơn vị ở mới				344,15	45,95		734,82	44,56	
2	Đất dịch vụ công cộng đô thị	48,27	1,30		200,51	5,01	5,01	249,01	5,08	5,10
3	Đất CQ, trụ sở đô thị	13,34			15,92		0,40	23,68		0,49
4	Đất cây xanh sử dụng công cộng	4,20			257,62	6,44	6,44	392,73	8,01	8,05
5	Đất giao thông đô thị	480,45		5,90	659,48		16,49	774,83		15,86
6	Đất hạ tầng kỹ thuật đô thị	17,89	0,48		19,26		0,48	27,32		0,56
B	Đất ngoài dân dụng	5.305,72		65,13	9.959,04		71,35	11.991,77		71,08
1	Đất dân cư nông thôn	448,55			593,27			683,64		
1.1	Đất dân cư nông thôn hiện trạng	448,55			448,55			448,55		
1.2	Đất dân cư nông thôn mới				144,72			235,09		
2	Đất cơ quan trụ sở ngoài đô thị	2,97			5,67			5,67		
3	Đất công cộng ngoài đô thị	9,34			9,34			12,56		
4	Đất văn hóa, dịch vụ đô thị	2,21			11,38			13,93		
5	Đất Trung tâm y tế	59,12			84,17			20,93		
6	Đất Trung Tâm VH-TDTT	8,55			29,30			50,62		
7	Đất Cây xanh sử dụng hạn chế	1,05			373,25			683,04		
8	Đất Cây xanh chuyên dụng	18,58			50,84			168,45		
9	Đất sân golf sân ngoài	73,97			90,70			90,70		
10	Đất du lịch, dịch vụ	289,00			469,57			836,19		
11	Đất Sản xuất công nghiệp, kho tàng	1.452,65			2.295,54			2.295,54		
12	Đất Tổng kho	88,12			403,53			620,00		
13	Đất Sản xuất vật liệu xây dựng	2.271,47			367,90			405,37		
14	Đất nông nghiệp xen lập	2.271,47			2.271,47			2.271,47		
15	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật ngoài đô thị	37,37			76,59			87,37		
16	Đất nghĩa trang	81,02			152,08			202,83		
17	Đất an ninh quốc phòng	41,90			96,95			96,95		
18	Đất an ninh quốc phòng	41,90			96,95			96,95		
19	Đất an ninh quốc phòng	41,90			96,95			96,95		
II	ĐẤT NÔNG NGHIỆP P & C CHỨC NĂNG KHÁC	24.578,25		75,11	18.766,55		57,35	15.853,37		48,45
1	Đất sản xuất nông nghiệp	23.000,51			17.076,79			13.324,90		
2	Đất lâm nghiệp	315,86			22,89			22,89		
3	Sông suối, mặt nước	1.261,88			1.666,87			1.717,24		
4	Đất dự trữ phát triển							788,34		

GHI CHÚ:

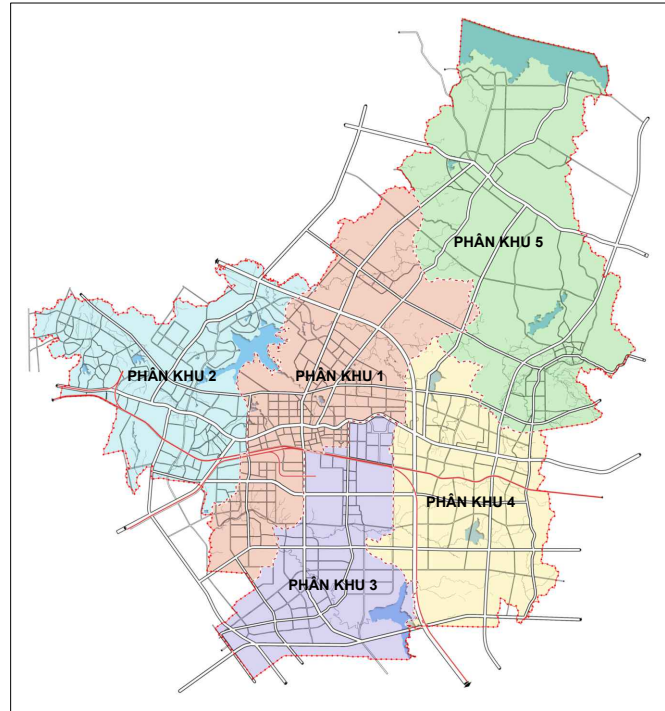
1. XÃ TRĂNG BOM
- 1.1 THHC XÃ TRĂNG BOM
- 1.2 TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐÌNH TIỀN HOÀNG
- 1.3 TRƯỜNG THPT NGỖ SỸ LIÊN
- 1.4 TỔ HỢP CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
- TÒA ÁN
- VIỆN KIỂM SÁT
- 1.5 BỆNH VIỆN ĐA KHOA
- 1.6 TRƯỜNG BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ
- 1.7 TRƯỜNG ĐGNH-GDTC
- 1.8 THƯ VIỆN-NHÀ TRUYỀN THÔNG TRĂNG BOM
- 1.9 CHÙA ĐÀ LA NI
- 1.10 SẢN VẬN ĐỘNG-TRUNG TÂM VH-TT
- 1.11 TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
- 1.12 TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ
- 1.13 BỆNH VIỆN
- 1.14 VIỆN KIỂM SOÁT
- 1.15 TRƯỜNG THPT THÔNG NHẤT A
- 1.16 CÔNG VIÊN VĂN HÓA HÙNG VƯƠNG
- 1.17 NHÀ VĂN HÓA THANH THIẾU NIÊN
- 1.18 TÒA ÁN, THỊ HÀNH AN VÀ VIỆN KIỂM SOÁT
- 1.19 BẾN XE PHÍA BẮC
- 1.20 KHU DU LỊCH THẮC DẺ HÀN
- 1.21 SÂN GỖN
- 1.22 TRƯỜNG CD CÔNG NGHỆ TP HCM
- 1.23 TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- 1.24 CÔNG VIÊN NGHĨA TRANG
- 1.25 CỤM CÔNG NGHIỆP SỐNG TRẦU
- 1.26 TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI VIVA SQUARE
- 1.27 KHU DU LỊCH SINH THÁI GIANG ĐIỀN
- 1.28 KCN GIANG ĐIỀN
- 1.29 TRƯỜNG THPT TRỊNH HOÀI ĐỨC
- 1.30 GA TRĂNG BOM
2. XÃ BÌNH MINH
- 2.1 THHC XÃ BÌNH MINH
- 2.2 KDL CODONA- KDL HỒ SÔNG MÂY
- 2.3 KHU DU LỊCH HỒ SÔNG MÂY
- 2.4 KCN SÔNG MÂY
- 2.5 TRAM BIẾN ÁP 500KW
- 2.6 CỤM LÀNG NGHỀ BÌNH MINH
3. XÃ HƯNG THỊNH
- 3.1 THHC XÃ HƯNG THỊNH
- 3.2 TRUNG TÂM KHÁO CỨU NÔNG NGHIỆP
- 3.3 TRƯỜNG THPT VĂN LANG
- 3.4 CỤM CÔNG NGHIỆP HƯNG THỊNH
- 3.5 KHU THỂ THAO LONG QUÂN
- 3.6 TRUNG TÂM SÁT HẠCH LẠI XE TỈNH ĐỒNG NAI
- 3.7 TRƯỜNG TH-THCS-THPT TRẦN QUỐC TUÂN
- 3.8 TRƯỜNG PT DÂN TỘC NỘI TRƯ TỈNH ĐỒNG NAI
- 3.9 KHU XỬ LÝ RÁC VÀ CHẤT THẢI
4. XÃ AN VIÊN
- 4.1 THHC XÃ AN VIÊN
- 4.2 CỤM CÔNG NGHIỆP ĐÔI 61
- 4.3 KCN BẦU XÉO
- 4.4 TỔNG KHO MIỀN ĐÔNG
- 4.5 ĐIỂM DU LỊCH TRƯỜNG GIANG
- 4.6 BẾN XE PHÍA NAM
- 4.7 KHU DU LỊCH HỒ LÁ BUỒNG
5. XÃ BẦU HÀM
- 5.1 TRƯỜNG HUÂN LUYỆN PCCC
- 5.2 CÁN CỨ TỈNH ỦY BIỂN HÒA U1
- 5.3 KHU DU LỊCH HỒ TRỊ AN
- 5.4 TRƯỜNG THPT VĂN LANG
- 5.5 TRƯỜNG THCS VÀ THPT BẦU HÀM
- 5.6 TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH XÃ BẦU HÀM
6. PHƯỜNG HỒ NAI
- 6.1 TRƯỜNG DẠY NGHỀ ĐÌNH TIỀN HOÀNG
- 6.2 KCN SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG
- 6.3 TRƯỜNG THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA
- 6.4 TRƯỜNG DẠY NGHỀ CỎ GIỚI
- 6.5 KHU CÔNG NGHIỆP HỒ NAI
- 6.6 TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÒA BÌNH



BẢNG TỔNG HỢP PHÂN KHU VỰC PHÁT TRIỂN

STT	Vị Trí	Quy Mô Diện Tích (Km2)	Quy Mô Dân Số (Người)	Tính Chất, Chức Năng
Khu số 1	Phân Khu trung tâm gồm địa giới hành chính xã Trảng Bóm	68,774	140.000	Khu đô thị phức hợp đa chức năng.
Khu số 2	Phân Khu phía Tây gồm địa giới hành chính xã Bình Minh và một phần phường Hồ Nai	55,586	200.000	Khu đô thị thương mại, dịch vụ bổ trợ.
Khu số 3	Phân Khu phía Nam gồm địa giới hành chính xã An Viên	47,747	55.000	Khu đô thị thương mại, dịch vụ, du lịch và trung chuyển.
Khu số 4	Phân Khu phía Đông gồm địa giới hành chính xã Hưng Thịnh	57,637	95.000	Khu đô thị thương mại, dịch vụ, nông nghiệp đô thị công nghệ cao.
Khu số 5	Phân Khu phía Bắc gồm địa giới hành chính xã Bầu Hầm	97,496	60.000	Khu đô thị du lịch, dịch vụ, nghỉ dưỡng, nông nghiệp an ninh thái và bảo vệ cảnh quan.
TỔNG		327,241	550.000	

SƠ ĐỒ PHÂN KHU CÁC KHU VỰC PHÁT TRIỂN



KÝ HIỆU:

HIỆN TRẠNG
CÁI TẠO

QUY HOẠCH
ĐÓT ĐẦU

DẢI HẠN

ĐƠN VỊ Ở

ĐƠN VỊ Ở MẬT ĐỘ TRUNG BÌNH, THẤP

HỒN HỢP (ĐƠN VỊ Ở VÀ DỊCH VỤ CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ)

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC ĐÔ THỊ KHÁC

DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ KHÁC

CƠ QUAN, TRỤ SỞ ĐÔ THỊ

CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ

HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC CẤP ĐÔ THỊ

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KHO TÀNG

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO NGHIỆP CỨU

CƠ QUAN TRƯ SỞ NGOÀI ĐÔ THỊ

DỊCH VỤ DU LỊCH

TRUNG TÂM Y TẾ

TRUNG TÂM VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO

CÂY XANH SỬ DỤNG HẠN CHẾ

CÂY XANH CHUYÊN DỤNG

DI TÍCH, TÔN GIÁO

ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN

ĐẤT SẢN XUẤT VLXD

AN NINH

QUỐC PHÒNG

NGHĨA TRANG

HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC NGOÀI ĐÔ THỊ

ĐẤT NÔNG NGHIỆP

RỪNG ĐẶC DỤNG

RỪNG PHÒNG HỦY

RỪNG SẢN XUẤT

NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

HỒ, AO, ĐÀM

SÔNG, SUỐI, KÊNH, RẠCH

ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN

KHU VỰC BẢO VỆ CẢNH QUAN (HÀNH LANG XANH)

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

ĐƯỜNG SẮT

ĐƯỜNG SẮT ĐỒ THỊ

CẦU

HẦM CHUI

RANH GIỚI HUYỆN, THÀNH PHỐ

RANG GIỚI XÃ

RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

CHÚ THÍCH:

HIỆN TRẠNG

QUY HOẠCH

TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH- CHÍNH TRỊ

TRUNG TÂM Y TẾ

TRUNG TÂM VĂN HÓA

TRUNG TÂM TDTT

TTTT

CHỢ

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO

TRƯỜNG

KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

CẢNG CẠM

GA ĐƯỜNG SẮT

GA ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ

BẾN XE

BẾN THUYỀN